

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 04-7-2025.
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Nhân;
- Ông Trương Phước Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Phương Vy, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lại VB, sinh năm 1969, nơi cư trú: số 215, ấp KQ1, xã KT, huyện CM (nay là ấp KQ1, xã CM), tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Hồ Thị KD, sinh năm 1981; nơi cư trú: số 215, ấp KQ1, xã KT, huyện CM (nay là ấp KQ1, xã CM), tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lại VB trình bày:

Do chỗ quen biết nên ông cho bà Hồ Thị KD vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 14/5/2017 âm (nhằm ngày 08/6/2017dl), ông cho bà Duyên vay 20.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Sau khi vay

bà Duyên có đóng lãi cho ông được 12 tháng với số tiền 12.000.000 thì ngưng không đóng lãi cũng như trả vốn cho đến nay.

+ Lần 2: Ngày 22/11/2017 al (nhằm ngày 08/01/2018), ông cho bà Duyên vay 25.000.000 đồng, có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Sau khi vay bà Duyên có đóng lãi cho ông được 6 tháng số tiền lãi 7.500.000 đồng và trả được 5.000.000 đồng tiền vốn thì ngưng không đóng lãi cũng như trả vốn cho đến nay. Ông có đòi nhiều nhưng bà Duyên chỉ hứa mà không trả.

Tổng cộng bà Hồ Thị KD còn nợ ông số tiền 40.000.000 đồng, ông có đòi nhiều nhưng bà Duyên hứa mà không trả. Nay ông yêu cầu bà Hồ Thị KD trả cho ông số tiền vay còn thiếu là 40.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến ngày xét xử, đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận.

Tại phiên tòa ông Lại VB vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Hồ Thị KD đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông về nội dung đơn khởi kiện của ông Lại VB.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa.

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

* Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Ông Lại VB từ khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Bà Hồ Thị KD từ khi thụ lý vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tính lãi suất, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 468 Bộ Luật dân sự để giải quyết.

* Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại VB.

- Buộc bà Hồ Thị KD trả cho ông Lại VB số tiền vốn gốc 40.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 kể từ tháng 01 năm 2018 cho đến khi bà Duyên trả hết tiền gốc. Đồng thời khấu số tiền 19.500.000 đồng tiền lãi vào vốn gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ông Lại VB khởi kiện bà Hồ Thị KD về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Duyên có nơi cư trú tại ấp Kiến Quới 1, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới (nay là ấp Kiến Quới 1, xã Chợ Mới), tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 luật sửa đổi bổ sung và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn bà Hồ Thị KD đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Ngày 14/5/2017 al (nhằm ngày 08/6/2017dl) và ngày 22/11/2017 al (nhằm ngày 08/01/2018), ông Lại VB 02 lần cho bà Hồ Thị KD vay số tiền 45.000.000 đồng có làm biên nhận được các bên ký xác nhận, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, sau khi vay bà Duyên có đóng lãi cho ông Bình được 19.500.000 tiền lãi và 5.000.000 đồng tiền vốn thì không trả nữa. Ông Bình đã nhiều lần yêu cầu trả lại số tiền nhưng bà Duyên hứa mà không thực hiện. Nay ông yêu cầu bà Duyên trả lại số tiền 40.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay 08/6/2017 dl đối với số tiền vay 20.000.000 đồng và từ ngày 08/01/2018 đối với số tiền 25.000.000 đồng cho đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp. Do bà Hồ Thị KD đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên bà phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho ông Bình. Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án bà Duyên đã được Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc khởi kiện của ông Bình và triệu tập đến tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà không có ý kiến gì về việc ông Bình khởi kiện và vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại VB buộc bà Hồ Thị KD có nghĩa vụ trả cho ông Lại VB số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do ông Lại VB không yêu cầu chồng bà Duyên cùng liên đới trả nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Ngoài yêu cầu trả vốn, ông Bình còn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay 08/6/2017 dl đối với số tiền vay 20.000.000 đồng và từ ngày 08/01/2018 dl đối với số tiền 25.000.000 đồng cho đến ngày xét xử đồng thời ông yêu cầu khấu trừ tiền lãi mà bà Duyên đã đóng. Xét thấy, do bà Duyên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Bình, nên ông Bình yêu cầu tính lãi suất và khấu trừ tiền lãi đã nhận là có căn cứ phù hợp với Điều 357, 468 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/ tháng cao hơn so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu tính lãi suất của của từ ngày vay theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật Dân sự.

* Số tiền lãi được tính như sau:

+ Từ ngày 08/6/2017 đến ngày 08/6/2018 là 365 ngày; số tiền lãi được tính: 20.000.000 đồng x 0,056%/ngày x 365 ngày = 4.055.000 đồng.

Bà Duyên đã trả lãi cho ông Bình được 12.000.000 đồng. Vậy số tiền lãi bà Duyên trả thừa là 7.945.000 đồng, số tiền này được khấu trừ vào tiền vốn. Vậy số tiền vốn còn lại 12.055.000 đồng (20.000.000đ – 7.945.000 đồng).

* Số tiền lãi tiếp theo được tính như sau:

+ Từ ngày 09/6/2018 đến ngày 04/7/2025 là 2.582 ngày; số tiền lãi được tính: 12.055.000 đồng x 0,056%/ngày x 2.582 ngày = 17.292.000 đồng.

+ Từ ngày 08/01/2018 đến ngày 08/7/2018 là 181 ngày; số tiền lãi được tính: 25.000.000 đồng x 0,056%/ngày x 181 ngày = 2.513.000 đồng.

Bà Duyên đã trả lãi cho ông Bình được 7.500.000 đồng. Vậy số tiền lãi bà Duyên trả thừa là 4.987.000 đồng, số tiền lãi này được khấu trừ vào số tiền vốn. Vậy số tiền vốn còn lại 20.013.000 đồng (25.000.000đ – 4.987.000 đồng), ngoài ra bà Duyên đã trả cho ông Bình được tiền vốn 5.000.000 đồng. Vậy số tiền vốn còn lại 15.013.000 đồng (20.013.000 đồng – 5.000.000 đồng)

* Số tiền lãi tiếp theo được tính như sau:

+ Từ ngày 09/7/2018 đến ngày 04/7/2025 là 2.552 ngày; số tiền lãi được tính: 15.013.000 đồng x 0,056%/ngày x 2.552 ngày = 21.285.000 đồng.

[4]. Từ những nhận định trên có căn cứ buộc bà Hồ Thị KD có nghĩa vụ trả cho ông Lại VB số tiền vốn 27.068.000 đồng và tiền lãi 38.577.000 đồng.

[5]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại VB:

Buộc bà Hồ Thị KD có nghĩa vụ trả cho ông Lại VB số tiền vốn 27.068.000 đồng và lãi 38.577.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 65.645.000 (sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hồ Thị KD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.282.000đ (ba triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

- Ông Lại VB được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 (một triệu) đồng theo biên lai thu số 0024383 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – An Giang).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Phòng THA dân sự khu vực 11 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Dương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Dương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà,

họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ,

khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau: